

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Trục

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT tham gia phiên tòa:

Bà: Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn Mé, xã Ái Thượng, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn Mé, xã Ái Thượng, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị M trình bày: Chị và anh H tự do tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Thượng, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/12/2013. Hôn nhân tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng hào thuận, hạnh phúc có với nhau 01 con chung, sau đó anh H thường xuyên sống không chung thủy quan hệ với người khác, chị biết nhưng sau đó bỏ qua. Đến đầu năm 2020, cảm thấy nghi ngờ nên chị điều tra và phát hiện trên Facebook của người kia công khai người yêu là anh H, chị phản ánh lại thì anh H không thừa nhận. Dẫn đến không thể sống

chung với nhau được nên chị đã bỏ đi, tách ra ở riêng, không cùng chung sống với anh H nữa. Sau khi chị ly thân anh H không hề có động thái gì để hàn gắn, ở im lặng cho đến nay. Chị chỉ liên hệ với mẹ anh H để thăm nuôi con chung. Nay chị thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện BT giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung Trương Minh H1, sinh ngày 16/2/2014. Hiện nay cháu đang ở với anh H và ông bà nội. Ly hôn chị đề cho anh H tiếp tục nuôi con và chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn H tại bản tự khai ngày 29/5/2023 anh trình bày: Anh đã nhận được thông báo và các giấy tờ về việc chị M yêu cầu ly hôn anh, Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Thượng ngày 18/12/2013. Hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng có với nhau 01 con chung, sau đó do mâu thuẫn nên từ cuối năm 2020 chị M đã bỏ ra ở riêng, không về chung sống với anh nữa. Vợ chồng ly thân đã 3 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị M yêu cầu ly hôn xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Trương Minh H1, sinh ngày 16/2/2014. Hiện nay cháu đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị M đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228, 238 – Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238 và Điều 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn

Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trương Minh H1, sinh ngày 16/2/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị M không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M và anh H đều có hộ khẩu ở xã Ái Thượng, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện BT được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh H theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Thượng, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa ngày UBND ngày 18/12/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn nên từ cuối năm 2020 vợ chồng đã ly thân, từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án chị M, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét nguyện vọng của anh chị là chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị M được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Minh H1, sinh ngày 16/2/2014. Hiện nay cháu Hoàng đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M, anh H thỏa thuận, khi ly hôn giao cháu Hoàng cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu Hoàng cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Vì vậy nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị M, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trương Minh H1, sinh ngày 16/2/2014 cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M, anh H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT theo biên lai số: AA/2022/0002036 ngày 15/5/2023. Chị M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BT;
- Các đương sự;
- UBND xã Ái Thượng;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Văn Nga

